

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2023/DS-ST**

Ngày: 26 -5-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U M T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mương Đ, xã Hòa Th, huyện Giồng R tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Phước Tr, sinh năm 1978. Vắng mặt

Bà Trần Thị Th, sinh năm 1983 (vợ ông Tr). vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa Ngọn A, xã Thạnh Yên A, huyện U M T, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Do quen biết làm ăn với ông Tr, nên vào khoảng tháng 10/2021 tôi có nhờ ông Tr đi hỏi mua lúa của nông dân trên địa bàn huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Hình thức khi lúa được 40 ngày tuổi thì tôi đưa tiền cọc cho nông dân mượn trước 300.000 đồng / công, đến khi lúa còn khoảng 10 ngày chín, thì tôi xuống xem lúa, hẹn ngày cắt lúa và thỏa thuận giá lúa theo thị trường, nếu không thỏa thuận được thì nông dân sẽ trả lại tiền cọc lúa cho tôi, do tôi ở xa, nên ông Tr đứng ra cam kết sẽ đi mua lúa dùm tôi, ông Tr nhận tiền của tôi cụ thể:

- + Ngày 18/10/2021 số tiền 60.000.000 đồng.
- + Ngày 19/10/2021 số tiền 134.000.000 đồng.
- + Ngày 03/11/2021 số tiền 60.000.000 đồng.

Như vậy ông Tr nhận tiền tôi tổng cộng 254.000.000 đồng. Sau đó ông Tr lấy tiền tiêu xài cá nhân mà không đi mua lúa cho tôi. Tôi nhiều lần gặp ông Tr đòi tiền, nhưng ông Tr lần lượt hứa hẹn đến nay vẫn không trả tiền cho tôi.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông Lê Phước Tr, bà Trần Thị Th trả cho tôi số tiền 254.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay ông Lê Phước Tr và bà Trần Thị Th không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Lê Phước Tr và vợ bà Trần Thị Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với vợ chồng ông Tr, bà Thắm.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu bị đơn ông Lê Phước Tr, bà Trần Thị Th trả tiền số tiền 254.000.000 đồng mà ông H đã gửi cho ông Tr mua lúa của nông dân. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U M T.

[3]. *Về nội dung tranh chấp:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện U M T ông Lê Phước Tr thừa nhận có nhận tiền của ông Hoàng tổng cộng 254.000.000 đồng để mua khoảng 1300 công lúa cho ông Hoàng. Mặc khác tại tờ tường trình ngày 15/02/2022 gửi cho Công an huyện U M T ông Lê Phước Tr có thừa nhận có nhận tiền của ông Hoàng 254.000.000 đồng để mua lúa, phù hợp với các biên nhận vào các ngày 18/10/2021; ngày 19/10/2021 và ngày 03/11/2021

do đó yêu cầu của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, vì phía bị đơn đã thừa nhận có nhận tiền của Nguyên đơn 254.000.000 đồng để mua lúa, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa giao lúa cho nguyên đơn, do đó phía bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền lại cho nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải, đối chất làm rõ nội dung vụ án, tại sao nguyên đơn đưa tiền mua lúa, khi có lúa lại không mua theo ý kiến trình bày của bị đơn tại cơ quan điều tra, nhưng phía bị đơn từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, cho nên Hội đồng xét xử xem như bị đơn từ chối cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa, cho nên ý kiến của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán – HĐXX đã tuân thủ đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,71 BLTTDS, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo đúng quy định tại Điều 72 BLTTDS. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền mua lúa còn thiếu 254.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Lê Phước Tr, bà Trần Thị Th phải nộp án phí giá ngạch theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Ông Nguyễn Văn H không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm nộp cho ông Hoàng số tiền 6.300.000 đồng theo lai thu số 0003464 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Văn H đối với bị đơn ông Lê Phước Tr và vợ bà Trần Thị Th về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2. Buộc vợ chồng ông Lê Phước Tr và vợ bà Trần Thị Th trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 254.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông Lê Phước Tr và vợ bà Trần Thị Th chưa thi hành hoặc thi hành chưa dứt số tiền trên, thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Lê Phước Tr và vợ bà Trần Thị Th nộp án phí giá ngạch số tiền: 254.000.000 đồng x 5% = 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn H không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm nộp cho ông Hoàng số tiền 6.300.000 đồng theo lai thu số 0003464 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi

